TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2020/DS-ST
Ngày: 12/5/2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Chinh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Vũ Ngọc Tiến.
2/ Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 577/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 47/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn:
Ngân hàng Thương mại cổ phần S.
Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268 Đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
Bà Nguyễn Bích T, sinh năm 1980 *(có đơn xin vắng mặt)*.
Địa chỉ: Số 266-268 Đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Văn bản ủy quyền ngày 24/7/2019).

2. Bị đơn:
Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1985 (*vắng mặt)*.
Địa chỉ: Số 303 Lô M chung cư G, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/7/2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S cùng bản khai trình bày của bà Nguyễn Bích T là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần S:

Ngày 14/12/2011, bà Nguyễn Thị L có ký với ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (*bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng*). Căn cứ theo thu nhập và đề nghị của bà L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà L với hạn mức sử dụng là 8.000.000 (*tám triệu*) đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 22.234.364 (*hai mươi hai triệu, hai trăm ba mươi bốn nghìn, ba trăm sáu mươi bốn*) đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay bà L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 31.514.000 (*ba mươi mốt triệu, năm trăm mười bốn nghìn*) đồng. Sau đó, mặc dù đã được nhắc nhở nhiều lần, nhưng bà L không có thiện chí thanh toán nợ. Kể từ ngày 23/02/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 23/3/2020 bà L còn nợ Ngân hàng số nợ tổng cộng là 23.438.735 (*hai mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi lăm*) đồng {trong đó nợ gốc 9.740.735 (*chín triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm ba mươi lăm*) đồng, lãi quá hạn 13.698.000 (*mười ba triệu, sáu trăm chín mươi tám nghìn*) đồng}.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà L trả ngay số nợ trên một lần cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ từ sau ngày 23/3/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ. Ngoài ra Ngân hàng không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.*

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S xác nhận đã giao nộp đủ chứng cứ. Bị đơn bà Nguyễn Thị L mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa, nên Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải mà quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S - bà Nguyễn Bích T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.
- Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa lần thứ hai và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra Thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

- *Về nội dung:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện bà Nguyễn Thị L để đòi số nợ vốn, lãi còn thiếu trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà đôi bên đã ký kết với nhau và bà Nguyễn Thị L có địa chỉ cư trú tại Quận 10, nên đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo như quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện bà Nguyễn Thị L để đòi số nợ còn thiếu trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà các bên đã ký kết với nhau, nên Ngân hàng Thương mại cổ phần S tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách tố tụng là nguyên đơn và bà Nguyễn Thị L là bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về ủy quyền tham gia tố tụng:

Văn bản ủy quyền ngày 24/7/2019 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S ủy quyền cho bà Nguyễn Bích T đại diện tham gia tố tụng là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận. Bà Nguyễn Bích T được quyền tham gia tố tụng trong việc giải quyết vụ án này tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị L mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị L là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Phía nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S có bà Nguyễn Bích T đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S:

Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 14/12/2011 và bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ do ngân hàng TMCP S và bà Nguyễn Thị L ký kết với nhau, cùng các bản sao kê do phía nguyên đơn Ngân hàng cung cấp thể hiện bị đơn bà Nguyễn Thị L có thực hiện các giao dịch với phía nguyên đơn Ngân hàng và tính đến ngày 23/3/2020 bà L còn nợ Ngân hàng số nợ tổng cộng là 23.438.735 (*hai mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi lăm*) đồng {trong đó nợ gốc 9.740.735 (*chín triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm ba mươi lăm*) đồng, lãi quá hạn 13.698.000 (*mười ba triệu, sáu trăm chín mươi tám nghìn*) đồng}. Phía nguyên đơn Ngân hàng cũng nhiều lần nhắc nợ, nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị L cũng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị L vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng. Nay nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị L thanh toán số nợ còn thiếu trong hợp đồng vì bị đơn bà Nguyễn Thị L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ mà đôi bên đã thỏa thuận với nhau trong hợp đồng sử dụng thẻ, nếu tiếp tục kéo dài thời gian trả nợ sẽ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải thanh toán số nợ trên cùng tiền lãi phát sinh được tính tiếp theo trong hợp đồng sử dụng thẻ từ sau ngày 23/3/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ cho phía nguyên đơn Ngân hàng TMCP S là có cơ sở. Cụ thể bị đơn bà Nguyễn Thị L phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng số tiền vốn lãi tổng cộng tính đến hết ngày 23/3/2020 là 23.438.735 (*hai mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi lăm*) đồng {trong đó nợ gốc 9.740.735 (*chín triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm ba mươi lăm*) đồng, lãi quá hạn 13.698.000 (*mười ba triệu, sáu trăm chín mươi tám nghìn*) đồng} cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng được tính tiếp theo từ sau ngày 23/3/2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S được Tòa án chấp nhận buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải thanh toán nợ, nên bị đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 3, Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1, khoản 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền vốn lãi tổng cộng tính đến hết ngày 23/3/2020 là 23.438.735 (*hai mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi lăm*) đồng {trong đó nợ gốc 9.740.735 (*chín triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm ba mươi lăm*) đồng, lãi quá hạn 13.698.000 (*mười ba triệu, sáu trăm chín mươi tám nghìn*) đồng} cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được tính tiếp theo từ ngày 24/3/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 1.172.000 *(một triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn)* đồng, bị đơn bà Nguyễn Thị L chịu. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 510.000 *(năm trăm mười nghìn)* đồng đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0024522 ngày 12/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bị đơn bà Nguyễn Thị L không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM;
-VKSND Q.10;
-THADS Q.10;
-THADS Q.4;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Chinh